

Bản án số: 118/2024/HS-PT
Ngày: 17-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam

Ông Trần Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2024/TLPT-HS ngày 23/02/2024, đối với các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Việt T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồng Thị R; sinh năm 1964 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A đường L, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: nhà không số, đường số H, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồng Văn N (chết) và bà: Nguyễn Thị N1 (chết); chồng: Nguyễn Minh S, sinh năm 1964; con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án, đã được xóa án tích.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1991 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A đường L, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: nhà không số, đường số H, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ uốn tóc; trình độ học

vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh S, sinh năm 1964 và bà: Hồng Thị R, sinh năm 1964; chồng: Phạm Ngọc C, sinh năm 1989; con: có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Minh H1; sinh năm 2000 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A đường L, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: nhà không số, đường số H, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh S, sinh năm 1964 và bà: Hồng Thị R, sinh năm 1964; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Thị Ngọc H2; sinh năm 1981 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số C đường B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 và bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; chồng: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1979; con: có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Phan Nguyễn Hồng A; sinh năm 1995 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số I đường số A, khu phố Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Minh Đ, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1966; chồng: Nguyễn Phúc H3, sinh năm 1993; con: có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Phúc H3; sinh năm 1993 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số I đường số A, khu phố Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: rửa xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1970 và bà: Huỳnh Thị N2, sinh năm 1970; vợ: Phan Nguyễn Hồng A, sinh năm 1995; con: có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Vũ Viết T; sinh năm 1973 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số C đường số B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: rửa xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Viết L (chết) và bà Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1948; vợ: Trần Thị Xuân Q, sinh năm 1979; con 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:

Võ Thị Kim H4; sinh năm 1980 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A N, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số B đường A, khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thành L1, sinh năm 1954 và bà: Lý Thị T3 (chết); có chồng và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không. Bị bắt, tạm giữ ngày: 08/6/2023. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 09 (chín) tháng tù. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 02/3/2023, Công an phường L tiến hành tuần tra trên địa bàn phường L thì phát hiện tại căn nhà hoang cuối hẻm F, đường số B, khu phố L, phường L, thành phố T có Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T, Võ Thị Kim H4 đánh bạc ăn thua bằng tiền. Công an phường L vào kiểm tra thì các đối tượng bỏ chạy, còn lại 04 người gồm: Hồng Thị R, Nguyễn Phúc H3, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Văn S2 cùng vật chứng nên đưa về trụ sở công an phường làm việc. Qua xác minh Cơ quan Công an tiến hành đưa Nguyễn Văn C1, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Thu H, Vũ Viết T, Nguyễn Thị Ngọc H2, Võ Thị Kim H4 về làm việc và khai nhận như sau:

Ngày 02/3/2023, Nguyễn Văn C1 gọi điện rủ Hồng Thị R và Nguyễn Thị Thu H đến nhà hoang cuối hẻm F, đường số B, khu phố L, phường L, thành phố T, để tham gia đánh bạc do C1 tổ chức. C1 là người cảnh giới, tìm địa điểm, mua bài, mua đồ ăn phục vụ những người tham gia đánh bạc để thu tiền xâu. C1 thuê Nguyễn Văn S2 thu tiền xâu của các con bạc, cứ 30 phút thì thu mỗi tụ 50.0000 đồng, có khoảng 06 đến 07 tụ bài chơi. Còn các con bạc khác thì tự tìm đến để chơi đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc gồm có: Võ Thị Kim H4 (là người làm cái), Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Thu H, Vũ Viết T, Nguyễn Thị Ngọc H2, Hồng Thị R, Nguyễn Phúc H3, Phan Nguyễn Hồng A và 01 người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) chơi đánh bài binh Ấn Độ 06 lá ăn thua bằng tiền. Cách thức đánh bài binh Ấn Độ 06 lá như sau: sử dụng bộ bài giấy loại 52 lá gồm có

01 tụ làm nhà cái và các tụ còn lại làm nhà con. Chia cho mỗi tụ 06 lá bài, người chơi xếp thành 02 chi, mỗi chi gồm 03 lá bài và so sánh điểm từng chi. Khung điểm từ 0 đến 9 điểm, cách tính điểm như sau: lá Tây (J, Q hoặc K) được tính là 10 điểm, lá A được tính là 1 điểm, sau đó cộng điểm từng chi (tổng điểm 03 lá bài). Tổng 03 lá là: 9 = 9 điểm, 10 = 0 điểm, 11 = 1 điểm, 12 = 2 điểm,.... 29 = 9 điểm. Ngoài ra, bài có 03 lá Tây bất kỳ được tính là lớn nhất (lớn hơn 9 điểm). Chi nào có tổng điểm lớn hơn được tính là thắng. Tụ nào thắng cả 02 chi thì thắng, thắng 01 chi và thua 01 chi thì là hòa, thua cả 02 chi thì là thua. Mỗi ván, nhà con đặt tiền cược và thắng thua với nhà cái, thấp nhất từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Ngày 02/3/2023 C1 đã thu được 3.500.000 đồng tiền xâu do S2 đưa. Võ Thị Kim H4 mang theo 1.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc, chơi thua 100.000 đồng nên còn 1.500.000 đồng. H4 đã sử dụng hết số tiền trên cho việc tiêu xài cá nhân. Hồng Thị R mang theo 6.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, chơi thua 1.500.000 đồng nên bị công an thu giữ 4.500.000 đồng. Nguyễn Phúc H3 mang theo 2.150.000 đồng sử dụng để đánh bạc, chơi hòa nên bị công an thu giữ 2.150.000 đồng. Phan Nguyễn Hồng A mang theo 800.000 đồng sử dụng để đánh bạc và chơi thua hết. Nguyễn Thị Thu H mang theo 4.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, chơi thắng 1.000.000 đồng nên giao nộp 5.000.000 đồng số tiền dùng để đánh bạc. Nguyễn Minh H1 mang theo 1.200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, chơi thua 500.000 đồng nên giao nộp 700.000 đồng số tiền dùng để đánh bạc. Vũ Viết T mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, chơi thua 200.000 đồng nên giao nộp 500.000 đồng. Nguyễn Thị Ngọc H2 mang theo 2.200.000 đồng để đánh bạc và chơi thua hết. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vật chứng vụ án:

- Tổng số tiền dùng đánh bạc là 16.350.000 đồng:
 - + 6.650.000 đồng thu giữ tại hiện trường (4.500.000 đồng thu giữ của Hồng Thị R, 2.150.000 đồng thu giữ của Nguyễn Phúc H3);
 - + 6.200.000 đồng dùng để đánh bạc (500.000 đồng của Vũ Viết T, 700.000 đồng của Nguyễn Minh H1, 5.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thu H);
 - + 3.500.000 đồng do Nguyễn Văn C1 giao nộp là số tiền xâu S2 và C1 thu được vào ngày 02/3/2023.
- 11 bộ bài tây loại 52 lá trong đó có 01 bộ bài đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động Oppo thu giữ của Nguyễn Văn C1, là phương tiện C1 dùng để gọi điện rủ người khác đến để tham gia đánh bạc.
- 01 xe mô tô biển số 54XT-0234, số máy C50E-8656400, số khung C50-8656384 thu giữ tại hiện trường. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy nguyên thủy, kết quả: số khung, số máy không bị đục lại số. Qua xác minh biển số 54XT-0234 là của xe gắn máy hiệu YMHMAXNEO, số máy MB-1004531, số khung HA-1004531 của chị Lê Hồ

Khánh L2 đứng tên chủ sở hữu. Chị L2 đã bán xe trên năm 2011 không rõ lai lịch người mua xe. Tra cứu dữ liệu xe có số máy C50E-8656400, số khung C50-8656384 trên hệ thống dữ liệu giao thông đường bộ cho kết quả: Không có dữ liệu, không xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Kim H4, Hồng Thị R, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn S2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Võ Thị Kim H4 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn C1 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

Nguyễn Văn S2 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38

Xử phạt Hồng Thị R 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Thu H 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Nguyễn Minh H1 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Nguyễn Thị Ngọc H2 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phan Nguyễn Hồng A 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Nguyễn Phúc H3 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Vũ Viết T 07 (B) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn S2 nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. (Thời hạn phạt tù bằng thời gian các bị cáo đã bị tạm giam).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/01/2024, các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo vì mức án sơ thẩm là quá nghiêm khắc.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân các bị cáo, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Đối với bị cáo Hồng Thị R, bản án hình sự sơ thẩm xác định bị cáo có tiền án là bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án, vì bị cáo chưa đóng án phí và hình phạt bổ sung, nên chưa được xóa án tích, là không đúng, bởi lẽ: tại công văn số 5515/GXN-CCTHA ngày 21/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 358) đã xác định: “Qua rà soát hồ sơ dữ liệu lưu tại đơn vị từ năm 2011 cho đến nay, chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức không tìm thấy dữ liệu của bà Hồng Thị R đối với nghĩa vụ thi hành 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phạt tiền 5.000.000 đồng”, cho thấy cơ quan thi hành án dân sự chưa thụ lý, chưa ra quyết định thi hành đối với các khoản thi hành trên, do đó tính đến ngày phạm tội đã hết thời hiệu thi hành, nên bị cáo Hồng Thị R đã được xóa án tích tại bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo R. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tình tiết giảm nhẹ mới, đồng thời bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Đánh bạc” mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, tuy nhiên, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 nên có cơ sở giảm hình phạt 03 tháng cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T kháng cáo xin hưởng án treo, xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo hưởng án treo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H đem theo số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 và điểm c, e Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên mức hình phạt; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T theo hướng giảm hình phạt 03 tháng tù cho bị cáo Hồng Thị R và giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T.

Đối với bị cáo Võ Thị Kim H4, tuy bị cáo không có kháng cáo, nhưng xét thấy hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo có số tiền 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị cáo đã bỏ chạy và tiêu xài hết số tiền trên mà bản án sơ thẩm không tuyên bị cáo nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là có thiếu sót; tại phiên tòa bị cáo Võ Thị Kim H4 cũng đã thừa nhận như trên và cam kết tự nguyện nộp lại số tiền 1.500.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Võ Thị Kim H4 phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là tiền dùng vào đánh bạc, để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T không tranh luận, chỉ xin xem xét được hưởng án treo vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được mức án khoan hồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 02/3/2023, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn S2 tổ chức cho Võ Thị Kim H4, Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T đánh bạc bằng hình thức chơi bài binh Ân Độ 6 lá ăn thua bằng tiền để thu tiền xâu từ các con bạc. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, thì bị Công an phường L, thành phố T phát hiện bắt giữ. Tổng số tiền xâu C1, S2 thu được là 3.500.000 đồng. Võ Thị Kim H4, Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T tham gia đánh bạc với nhau, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 16.350.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T đã phạm tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, bản án sơ thẩm số 07/2024/HS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Hồng Thị R, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Hồng Thị R có tiền án tại bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Hồng Thị R 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án, vì bị cáo chưa đóng án phí và hình phạt bổ sung, nên chưa được xóa án tích, là không đúng, vì công văn số 5515/GXN-CCTHA ngày 21/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 358) đã xác định: “Qua rà soát hồ sơ dữ liệu lưu tại đơn vị từ năm 2011 cho đến nay, chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức không tìm thấy dữ liệu của bà Hồng Thị R đối với nghĩa vụ thi hành 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phạt tiền 5.000.000 đồng”, cho thấy cơ quan thi hành án dân sự chưa thụ lý, chưa ra quyết định thi hành đối với các khoản thi hành trên, do đó tính đến ngày phạm tội đã hết thời hiệu thi hành các khoản trên, nên bị cáo Hồng Thị R đã được xóa án tích tại bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án, không áp dụng tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồng Thị R.

Đối với bị cáo Võ Thị Kim H4, tuy bị cáo không có kháng cáo, nhưng xét thấy bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo có dùng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị cáo đã bỏ chạy và tiêu xài hết số tiền trên mà bản án sơ thẩm không tuyên bị cáo nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là có thiếu sót; tại phiên tòa bị cáo Võ Thị Kim H4 cũng đã thừa nhận như trên và cam kết tự nguyện nộp lại số tiền 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Võ Thị Kim H4 phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là tiền dùng vào đánh bạc, để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[3] Về kháng cáo của các bị cáo: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, vì cấp sơ thẩm đã tuyên hình phạt đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Tại phiên tòa, các bị cáo không có cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện có tình tiết giảm nhẹ nào khác so với bản án hình sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định:

- Đối với bị cáo Hồng Thị R thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo Hồng Thị R mức hình phạt 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” là thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm xác định được bị cáo không còn tiền án tại bản án số 162/2011/HSST ngày 30/11/2011 Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, nên có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Hồng Thị R theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Phan Nguyễn Hồng A, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T mức hình phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” là thỏa đáng, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, và các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện khi quyết định hình phạt, nên không có cơ sở chấp nhận

kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Nguyễn Phúc H3 và Vũ Viết T.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này, hai bị cáo Nguyễn Phúc H3 và Phan Nguyễn Hồng A là vợ chồng, có hai con chung, sinh năm 2014 và 2018, nhằm tạo điều kiện để có người nuôi con nhỏ nên cần thiết cho bị cáo Phan Nguyễn Hồng A được hưởng án treo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Nguyễn Hồng A, sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Võ Thị Kim H4 không có kháng cáo, nhưng xét thấy bản án sơ thẩm không tuyên bị cáo nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là có thiếu sót, vì bị cáo dùng số tiền này vào mục đích đánh bạc, sau khi bỏ chạy thoát đã tiêu xài hết; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Kim H4 cũng đã thừa nhận có đem theo số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp lại và cam kết tự nguyện nộp lại số tiền 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Võ Thị Kim H4 phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng là tiền dùng vào đánh bạc, để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T không được chấp nhận kháng cáo, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hồng Thị R, Phan Nguyễn Hồng A được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồng Thị R và Phan Nguyễn Hồng A; sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Hồng Thị R, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo cho bị cáo Phan Nguyễn Hồng A.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T; giữ nguyên mức hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2024/HSST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] - Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: bị cáo Hồng Thị R 09 (chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017

Xử phạt: bị cáo Phan Nguyễn Hồng A 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phan Nguyễn Hồng A cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thu H 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh H1 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H2 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phúc H3 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo Vũ Viết T 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Mỗi bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Ngọc H2, Nguyễn Phúc H3, Vũ Viết T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Võ Thị Kim H4 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Hồng Thị R và Phan Nguyễn Hồng A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Phan Nguyễn Hồng A).

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Tp. Thủ Đức; (1)
- P.PV06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (8)
- THA Tp. Thủ Đức; (1)
- TAND Tp. Thủ Đức; (1)
- Công an Tp. Thủ Đức; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (8)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (33) (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thụ

